

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v thực hiện công khai theo thông tư 36/2017/TT BGDĐT**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2023 - 2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS XÃ POM LÓT**

Căn cứ vào điều 11 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ban hành ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng BGD&ĐT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế trường THCS xã Pom Lót;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai các nội dung cam kết thực hiện theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo trong năm học 2023 - 2024 (theo biểu 9,10,11,12 đính kèm) để cán bộ, viên chức, nhân dân biết và giám sát.

**Điều 2.** Hình thức và thời điểm, thời gian công khai: Thực hiện theo Điều 8 của thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký; Kế toán nhà trường, các cá nhân và bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CBGV, NV
- Lưu: VT, KT;
- Website Nhà trường.



**Trần Thị Bích Nga**

Số: 60/ KHCK – THCS

Pom Lót, ngày 12 tháng 6 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### V/v thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”.

Căn cứ công văn 929/PGDDĐT- VP về việc triển khai thực hiện Thông tư số 36/2017-BGDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của nhà trường và đặc điểm tình hình nhà trường, trường THCS xã Pom Lót xây dựng kế hoạch 3 công khai thực hiện trong năm học 2023-2024 như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH**

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường, xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

#### **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

##### **1. Công khai cam kết chất lượng GD và chất lượng giáo dục thực tế:**

###### **1.1 Công khai cam kết chất lượng giáo dục:**

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục mà nhà trường giảng dạy, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường (phòng học, thiết bị dạy học, tin học...); các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, tình hình đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm, sức khỏe của học sinh, dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 09).

###### **1.2. Công khai về chất lượng giáo dục thực tế:**

- Sĩ số học sinh trong từng lớp, từng khối lớp, số học sinh nam, nữ từng lớp.  
- Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh về

các bộ môn văn hóa, về các cuộc thi trên mạng: Thi giải toán, thi tiếng Anh, các cuộc thi về TĐTT; tỉ lệ học sinh đủ điều kiện được công nhận TNTHCS, đỗ vào lớp 10.

- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, cơ quan chủ quản đánh giá (đánh giá ngoài) công nhận đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng giáo dục (theo Biểu mẫu 10).

## **2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

### **2.1. Cơ sở vật chất:**

- Về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng, tường rào bảo vệ trường (đính Biểu mẫu số 11).

### **2.2. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:**

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, tổng số CBCCVC, hình thức tuyển dụng biên chế, hợp đồng khác theo ND 68; (đính kèm Biểu mẫu số 12).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

## **3. Công khai thu chi tài chính:**

### **3.1. Tình hình tài chính của nhà trường:**

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

### **3.2. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học:**

- Mức thu học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học và dự kiến 2 năm tiếp theo.

### **3.3. Công khai các khoản chi theo từng năm học:**

- Chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập của giáo viên, CBQL (mức cao nhất, mức thấp nhất), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, chi đầu tư xây dựng, mua sắm.

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội (đính kèm bảng thống kê, báo cáo chi tiết).

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Công khai kết quả thanh, kiểm tra (nếu có). Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

### **III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

#### **1 Hình thức:**

- Công khai trên website của nhà trường:  
[thespomlot.pgdhuyendienbien.edu.vn](http://thespomlot.pgdhuyendienbien.edu.vn)

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại bảng tin và văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

- Công khai trong các kỳ đại hội, họp ban đại diện CMHS, sơ kết, tổng kết năm học.

#### **2.Thời điểm công khai:**

Thời điểm niêm yết công khai là vào đầu năm học (tháng 6), và cập nhật khi thay đổi các nội dung có liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Đối với công khai học phí, các khoản thu khác từ học phí, ngoài việc thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại đơn vị trường còn phải phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **1. Tổ chức thực hiện:**

##### **\* Ban giám hiệu:**

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trong nhà trường  
+ Trưởng ban: Hiệu trưởng nhà trường  
+ Phó trưởng ban: Phó Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn  
+ Ủy viên: Tổ trưởng chuyên môn, trưởng các bộ phận, tổ chức đoàn thể.  
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban chỉ đạo  
+ Trưởng Ban: Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện sơ, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện 3 công khai của nhà trường của các cấp.

+ Phó trưởng ban: Triển khai KH của trường Ban đến từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

+ Ủy viên trong ban chỉ đạo: Thực hiện theo sự phân công của trường, phó ban, căn cứ qui chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của

Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 09,10,11,12 báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính; đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục - Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

**\* Tổ chuyên môn - Tổ hành chính**

Chỉ đạo trực tiếp các tổ viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 09, 10, 11, 12 và biểu kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính.

**\* Đoàn thể:**

Phối kết hợp giám sát, hoàn thiện thêm thông tin tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2022-2023, kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo với trường Ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối chiếu của nhà trường.

**2. Chế độ báo cáo.**

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2022-2023 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2023-2024 về phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

- Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện 3 công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023-2024 của trường THCS xã Pom Lót ./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (để báo cáo);
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu VT.



*Trần Thị Bích Nga*

**PHÒNG GD &ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THCS XÃ POM LÓT**

**Biểu mẫu 09**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và phổ thông năm học 2023-2024**

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	- Công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và có nguyện vọng đăng kí học tại trường. - Độ tuổi 11-14	- Đã hoàn thành chương trình lớp 6 phổ thông, được công nhận lên lớp 7 - Độ tuổi 12-15	- Đã hoàn thành chương trình lớp 7 phổ thông, được công nhận lên lớp 8 - Độ tuổi 13-16	- Đã hoàn thành chương trình lớp 8 phổ thông, được công nhận lên lớp 9 - Độ tuổi 14-17
<b>II</b>	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>	- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 lớp 6 thực hiện từ năm học 2021-2022 Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống + Sách Tiếng Anh sách nhà xuất bản Đại học Sư phạm -Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số5512/BGDĐT - GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực	- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 lớp 7 thực hiện từ năm học 2022-2023 Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống + Sách Tiếng Anh sách nhà xuất bản Đại học Sư phạm -Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số5512/BGDĐT - GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực	- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 lớp 8 thực hiện từ năm học 2023-2024 Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống + Sách Tiếng Anh sách nhà xuất bản Đại học Sư phạm -Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số5512/BGDĐT - GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực	- Mô hình trường học mới thực hiện chương trình giáo dục PT kèm theo QĐ số 16/2006 của B GDĐT. - Kế hoạch giáo dục của nhà trường theo văn bản 7608/BGDĐT - Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng của BGD&ĐT và thực hiện PPCT theo công văn số 1472 của SGD&ĐT năm 2009. - Tài liệu HD

		<p>hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công văn 5512); các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).</p> <p>- Thực hiện 35 tuần thực học.</p>	<p>hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công văn 5512); các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).</p> <p>- Thực hiện 35 tuần thực học.</p>	<p>hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công văn 5512); các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).</p> <p>- Thực hiện 35 tuần thực học.</p>	<p>học theo văn bản 4612/ BGDDĐT, HD giảm tải theo VB 5842/ BGDDĐT</p> <p>- Thực hiện 35 tuần thực học</p>
III	<p><b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.</b></p> <p><b>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b></p>	<p>- Tổ chức họp phụ huynh, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa GV, HS và phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục HS.</p> <p>- Thông qua nội qui, điều lệ nhà trường, triển khai các quy định và quyền</p>	<p>Tổ chức họp phụ huynh, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa GV, HS và phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục HS.</p> <p>- Thông qua nội qui, điều lệ nhà trường, triển khai các quy định và quyền</p>	<p>- Tổ chức họp phụ huynh, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa GV, HS và phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục HS.</p> <p>- Thông qua nội qui, điều lệ nhà trường, triển khai các quy định và quyền</p>	<p>- Tổ chức họp phụ huynh, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa GV, HS và phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục HS.</p> <p>- Thông qua nội qui, điều lệ nhà trường, triển khai các</p>

		<p>lợi, nghĩa vụ của HS, của cha mẹ HS trong công tác phối hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường GD.</li> <li>- Đảm bảo thông tin.</li> <li>- Học sinh phải có nhận thức và thái độ đúng đắn về học tập.</li> </ul>	<p>lợi, nghĩa vụ của HS, của cha mẹ HS trong công tác phối hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường GD.</li> <li>- Đảm bảo thông tin.</li> <li>- Học sinh phải có nhận thức và thái độ đúng đắn về học tập.</li> </ul>	<p>lợi, nghĩa vụ của HS, của cha mẹ HS trong công tác phối hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường GD.</li> <li>- Đảm bảo thông tin.</li> <li>- Học sinh phải có nhận thức và thái độ đúng đắn về học tập.</li> </ul>	<p>quy định và quyền lợi, nghĩa vụ của HS, của cha mẹ HS trong công tác phối hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường GD.</li> <li>- Đảm bảo thông tin.</li> <li>- Học sinh phải có nhận thức và thái độ đúng đắn về học tập.</li> </ul>
IV	<p><b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sân chơi bãi tập đủ diện tích đảm bảo an toàn trong hoạt động. Hệ thống cống rãnh thoát nước, công trình vệ sinh, môi trường đảm bảo. Lớp học được trang trí đúng quy định. Có hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học “xanh, sạch, đẹp”. Có Gaga để xe cho HS. Môi trường cơ quan an toàn và văn hóa có tính giáo dục cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sân chơi bãi tập đủ diện tích đảm bảo an toàn trong hoạt động. Hệ thống cống rãnh thoát nước, công trình vệ sinh, môi trường đảm bảo. Lớp học được trang trí đúng quy định. Có hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học “xanh, sạch, đẹp”, Có Gaga để xe cho HS. Môi trường cơ quan an toàn và văn hóa có tính giáo dục cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sân chơi bãi tập đủ diện tích đảm bảo an toàn trong hoạt động. Hệ thống cống rãnh thoát nước, công trình vệ sinh, môi trường đảm bảo. Lớp học được trang trí đúng quy định. Có hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học “xanh, sạch, đẹp”. Có Gaga để xe cho HS. Môi trường cơ quan an toàn và văn hóa có tính giáo dục cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sân chơi bãi tập đủ diện tích đảm bảo an toàn trong hoạt động. Hệ thống cống rãnh thoát nước, công trình vệ sinh, môi trường đảm bảo. Lớp học được trang trí đúng quy định. Có hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học “xanh, sạch, đẹp. Có Gaga để xe cho HS. Môi trường cơ quan an toàn và văn hóa có tính giáo dục cao.</li> </ul>
	<b>Kết quả</b>	- Kết quả phẩm chất HS khối 6	- Kết quả dự kiến phẩm chất HS	- Kết quả dự kiến phẩm chất	- Kết quả dự kiến phẩm chất



V	<b>năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>	+ Tốt: 132/158= 83,5% + Khá: 26/158 16,5% + Đạt: 0 + Chưa đạt: 0 - Kết quả dự kiến học tập khối 6 + Tốt: 17/158=10,8% + Khá: 81/ 158= 51,2% + Đạt: 60/158=38% - Sức khỏe của HS: 100% được giáo dục về bảo vệ sức khỏe và vệ sinh.	khối 7 + Tốt: 121/148= 81,8% + Khá: 24/148= 16,2% + Đạt: 3/148= 2,0% + Chưa đạt: 0 - Kết quả dự kiến học tập khối 7 + Tốt: 22/148= 14,9% + Khá: 65/148= 43,9% + Đạt: 61/148= 41,2% + Chưa đạt: 0 - Sức khỏe của HS: 100% được giáo dục về bảo vệ sức khỏe và vệ sinh.	HS khối 8 + Tốt: 100/125= 80% + Đạt: 25/125= 20% + Cần cố gắng: 0 - Kết quả dự kiến năng lực HS khối 8 + Tốt: 19,2% + Đạt: 71,2% + Cần cố gắng: 9,6% - Kết quả dự kiến học tập khối 8 + Hoàn thành tốt: 13,6% + Hoàn thành: 76,8% + Có nội dung chưa hoàn thành: 9,6%. - Sức khỏe của HS: 100% được giáo dục về bảo vệ sức khỏe và vệ sinh.	HS khối 9 + Tốt: 79,1% + Đạt: 18,7% + Cần cố gắng: 2,2. - Kết quả dự kiến năng lực HS khối 9 + Tốt: 23,9% + Đạt: 65,7% + Cần cố gắng: 10,4% - Kết quả dự kiến học tập khối 9 + Hoàn thành tốt: 20,9% + Hoàn thành: 68,7% + Có nội dung chưa hoàn thành: 10,4%. - Xét tốt nghiệp đạt 99,3% - Sức khỏe của HS: 100% được giáo dục về bảo vệ sức khỏe và vệ sinh.
VI	<b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>	- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 6 thông qua đánh giá xếp loại đạt yêu cầu về KT, KN và Đạo đức được tiếp tục học lên lớp 7 ở tại trường, hoặc ở các trường THCS khác: Tỷ lệ chuyển lớp 100% trở	- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 7 thông qua đánh giá xếp loại đạt yêu cầu về KT, KN và Đạo đức được tiếp tục học lên lớp 8 ở tại trường, hoặc ở các trường THCS khác: Tỷ lệ chuyển lớp 100% trở lên.	- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 8 thông qua đánh giá xếp loại đạt yêu cầu về KT, KN và Đạo đức được tiếp tục học lên lớp 9 ở tại trường, hoặc ở các trường THCS khác: Tỷ lệ chuyển lớp 98% trở lên.	- HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 9 thông qua đánh giá xếp loại đạt yêu cầu về KT, KN và Đạo đức được dự xét công nhận TN THCS và dự thi tuyển vào các trường THPT, hoặc

	lên.			TH chuyên nghiệp Tỷ lệ xét tốt nghiệp THCS: 100%
--	------	--	--	--

Pom Lót, ngày 11 tháng 6 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên và đóng dấu)



*Trần Thị Bích Nga*

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở  
và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo học tập</b>	<b>565</b>	<b>158</b>	<b>148</b>	<b>125</b>	<b>134</b>
	Hoàn thành tốt (số lượng)	84	17	22	17	28
1	(tỷ lệ % so với tổng số)	14,9	10,8	14,9	13,6	20,9
	Hoàn thành (số lượng)	455	141	126	96	92
2	(tỷ lệ so với tổng số)	80	89,2	85,1	76,8	68,7
	Có nội dung chưa hoàn thành (số lượng)	26	0	0	12	14
3	(tỷ lệ so với tổng số)	4,6	0	0	9,6	10,4
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo năng lực</b>	<b>565</b>	<b>158</b>	<b>148</b>	<b>125</b>	<b>134</b>
	Tốt (số lượng)	95	17	22	24	32
1	(tỷ lệ % so với tổng số)	16,8	10,8	14,9	19,2	23,9
	Đạt (số lượng)	444	141	126	89	88
2	(tỷ lệ % so với tổng số)	7	89,2	85,1	71,2	65,7
	Cần cố gắng (số lượng)	26	0	0	12	14
3	(tỷ lệ % so với tổng số)	4,6	0	0	9,6	10,4
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo phẩm chất</b>	<b>565</b>	<b>158</b>	<b>148</b>	<b>125</b>	<b>134</b>
	Tốt (số lượng)	459	132	121	100	106
1	(tỷ lệ % so với tổng số)	81,2	83,5	81,8	80,0	79,1
	Đạt (số lượng)	97	26	24	22	25
2	(tỷ lệ % so với tổng số)	17,2	16,5	16,2	17,6	18,7
	Cần cố gắng (số lượng)	9	0	3	3	3
3	(tỷ lệ % so với tổng số)	1,6	0	2,0	2,4	2,2
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>565</b>	<b>158</b>	<b>148</b>	<b>125</b>	<b>134</b>
	Lên lớp (số lượng)	561	158	148	122	133
1	(tỷ lệ % so với tổng số)	99,3	100	100	97,6	99,3
	Học sinh giỏi (số lượng)	80	17	22	16	25
a	(tỷ lệ % so với tổng số)	14,2	10,8	14,9	12,8	17,9
	Học sinh tiên tiến (số lượng)	214	55	23	55	81
b	(tỷ lệ % so với tổng số)	37,9	34,8	15,5	44,0	60,4

	Thi lại (số lượng)	8	0	0	8	0
2	(tỷ lệ % so với tổng số)	1,4	0	0	6,4	0
	Lưu ban (số lượng)	4	0	0	3	1
3	(tỷ lệ % so với tổng số)	0,7	0	0	2,4	0,7
	Chuyển trường đến (số lượng)		0	0	0	0
4	(tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0
	Chuyển trường đi (số lượng)		0	0	0	0
	(tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0
	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
5	(tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
6	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>565</b>	<b>158</b>	<b>148</b>	<b>125</b>	<b>134</b>
1	Cấp tỉnh	11	2	0	0	9
2	Cấp huyện	54	8	10	17	19
	Cấp trường	90	17	22	23	28
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét tốt nghiệp</b>	<b>134</b>				<b>134</b>
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	<b>133</b>				<b>133</b>
	Giỏi	28				28
1	(tỷ lệ so với tổng số)	20,9				20,9
	Khá	74				74
2	(tỷ lệ so với tổng số)	55,2				55,2
	Trung bình	31				31
3	(tỷ lệ so với tổng số)	23,1				23,1
<b>IX</b>	<b>Số học sinh nữ</b>	<b>69</b>				<b>69</b>
<b>X</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	<b>75</b>				<b>75</b>

Pom Lát, ngày 12 tháng 6 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Trần Thị Bích Ngọc*

PHÒNG GD &ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THCS XÃ POM LÓT

Biểu mẫu 11

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất trường trung học cơ sở  
và trung học phổ thông năm học 2023-2024**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	18	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	18	1.2
1	Phòng học kiên cố	17	1.2
2	Phòng học bán kiên cố	11	1.2
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	5	1.1
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	34.5/lớp	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	8760.2	14.3
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	1500	2.5
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	<b>50</b>	1.4
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	50	1.4
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )		
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	119	
5	Diện tích phòng khác (...) (m <sup>2</sup> )	250	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	2	0.4
2	Khối lớp 7	2	0.4
3	Khối lớp 8	2	0.7
4	Khối lớp 9	2	0.5
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (m <sup>2</sup> )	30m <sup>2</sup>	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	25	Số hs/bộ: 30 hs/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		1
2	Cắt xét		3
3	Đầu Video/đầu đĩa		2
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		25
5	Thiết bị khác: máy photo Camera		3 32
6	Nhạc cụ		14
	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			X		0.2

Theo Thông tư 12/2011/Tt-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành điều lệ trường TH phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh.)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Pom Lót, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



*Trần Thị Bích Ngọc*



GD &ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THCS XÃ PỒM LỘT

Biểu mẫu 12

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	T.số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TCCN	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt		
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	40	2	35	1	1	1	1						20	16	0	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	33		33										17	16	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:																
1	Toán	4		4									4		3	1	
2	Lý	2		2									2		1	1	
3	Hóa	2		2									2		2		
4	Sinh	3		3							1	2	2		1	2	
5	Văn	7		7							1	6	3		3	4	
<b>6</b>	<b>Sư</b>	<b>3</b>		<b>3</b>							2	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
7	Địa	3		3							2	1	1		1	2	
8	GDCD	1		1								1	1		1		
9	NN	3		3								3	3		1	2	
10	CN	1		1								1	1		1		
11	MT	0		0													
12	AN	1		1							1				1		
13	Tin	1		1								1			1		
14	TD	2		4								2	2		2		

	<b>Cán bộ quản lý</b>	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Phó hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	<b>Nhân viên</b>	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Nhân viên kế toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Thủ quỹ											
	Nhân viên y tế	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Nhân viên thư viện											
	Nhân viên khác	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
<b>IV</b>	<b>Tổng phụ trách đội</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>

Pom Lót, ngày 18 tháng 6 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



*Trần Thị Bích Ngọc*



**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	T.số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TCCN	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	39	1	1	1	1	1	1	5	31		20	16	0	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	33							5	28		17	16	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	4			4					4		3	1		
2	Lý	2			2					2		1	1		
3	Hóa	2			2					2		2			
4	Sinh	3			3				1	2		1	2		
5	Văn	7			7				1	6		3	4		
6	Sử	3			3				1	2		3			
7	Địa	3			3				2	1		1	2		
8	GDCD	1			1					1		1			
9	NN	3			3					3		1	2		
10	CN	1			1					1		1			
11	MT	0			0										
12	AN	1			1				1			1			
13	Tin	1			1									1	
14	TD	2			4									2	
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	1													1

	1										1		
Hiệu trưởng	1												
Phó hiệu trưởng											1		
<b>Nhân viên</b>	<b>4</b>												
Nhân viên kế toán	1			1	1	1							
Thủ quỹ													
Nhân viên y tế	1												
Nhân viên thư viện										1			
Nhân viên khác	2									1		1	
<b>Tổng phụ trách đội</b>	<b>1</b>										<b>1</b>		<b>1</b>

Pom Lót, ngày 05 tháng 10 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Đàm Thị Bích Nga**